

PHIẾU THÔNG TIN ĐIỆN TỬ ĐỀ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
(Kèm theo Quy chế phối hợp số 01/QCPH-CT-CQLĐĐ ngày 07/01/2026 của Cục Thuế và Cục Quản lý đất đai)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÁNH LINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PCTT - UBND

Tánh Linh, ngày tháng 7 năm 2026

**PHIẾU THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
ĐỀ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: Thuế Cơ sở 9 tỉnh Lâm Đồng

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC

- 1.1. Mã số hồ sơ thủ tục hành chính: H36.188-260528-0005
- 1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: 28/5/2026
- 1.3. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận lần đầu
- 1.4. Căn cứ pháp lý: Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về ban hành Quy định Bảng giá đất để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT/NGƯỜI NHẬN CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

- 1.1. Tên: Bà Thị The
- 1.2. Địa chỉ: Thôn Tân Thành, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng
- 1.3. Số điện thoại liên hệ: 0379401371 Email (nếu có):
- 1.4. Mã số thuế (nếu có):
- 1.5. Giấy tờ pháp nhân/số hộ chiếu/Số định danh cá nhân:
Loại giấy tờ: CCCD, Số giấy tờ: 060155000723, Ngày sinh: 1955
(Trường hợp có nhiều đồng sử dụng, sở hữu thì kê khai thông tin một người đại diện; đồng thời lập danh sách theo Bảng 1 đính kèm)

2. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN TRÊN ĐẤT

- 2.1. Tên:
- 2.2. Địa chỉ:
- Xã/phường/đặc khu: Tỉnh/thành phố:

2.3. Số điện thoại liên hệ: Email (nếu có):

2.4. Mã số thuế (nếu có):

2.5. Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân:

Loại giấy tờ: Số giấy tờ: Ngày sinh:

(Trường hợp có nhiều người đồng sử dụng, sở hữu thì kê khai thông tin một người đại diện: đồng thời lập danh sách theo Bảng 2 đính kèm).

III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. THÔNG TIN VỀ ĐẤT

1.1. Thửa đất số: 43 Tờ bản đồ số: 130

1.2. Địa chỉ tại: Thôn Tân Thành, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng

1.3. Giá đất

Đất ở tại nông thôn: Đường Trần Hưng Đạo (Phần còn lại) Vị trí 1; Có 2 mặt tiền trở lên, trong đó chỉ có 01 mặt tiếp giáp với đường, đoạn đường có trong danh mục bảng giá đất.

Đất trồng cây lâu năm: Đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở; Vị trí 1;

Diện tích đất đã xây dựng nhà ở, nhà ở và công trình phục vụ đời sống là 500 m²

Loại giá	Đơn giá (VNĐ/m ²)
Giá đất theo bảng giá:	ONT 1.700.000 x 1,15 =1.955.000 CLN 111.000 x 1,5 =166.500
Hệ số điều chỉnh giá đất (nếu có):	
Giá trúng cụ thể:	
Giá đất trúng đấu giá:	
Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:	

1.4. Diện tích thửa đất: 5.005,5 m²

- Diện tích sử dụng chung: 5.005,5 m²

- Diện tích sử dụng riêng: 0 m²

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: 0 m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: 5.005,5 m²

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:m²

- Diện tích đất trong hạn mức: 5.005,5 m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức: 0 m²

- Diện tích sử dụng trái mục đích: 0 m²

- Diện tích đất lần chiếm: 0 m²

1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Đất do ông Gia Đắc và bà Thị The khai hoang và làm nhà ở từ năm 1985, đến năm 1993 ông Gia Đắc chết. Nay bà Thị The được cử làm đại diện cho những người được thừa kế thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo quy định. Không có tranh chấp, không vi phạm pháp luật đất đai, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 Luật Đất đai 2024

1.6. Mục đích sử dụng đất: ONT 500 m²; CLN 4.505,5 m²

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:

1.7. Thời hạn sử dụng đất:

- Ổn định lâu dài ☐: Đất ở tại nông thôn

- Có thời hạn: 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận (Đất trồng cây lâu năm)

- Gia hạn năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:/...../.....

1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày: năm 1985 (từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993)

1.9. Hình thức sử dụng đất: Công nhận quyền sử dụng đất

1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Không có

2. THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:

2.2. Diện tích xây dựng:m²

2.3. Diện tích sàn xây dựng/diện tích sử dụng: m²

2.4. Diện tích sở hữu chung: m²; Diện tích sở hữu riêng: m²

2.5. Số tầng: tầng; trong đó, số tầng nổi: tầng, số tầng hầm: tầng

2.6. Nguồn gốc:

2.7. Năm hoàn thành xây dựng:

2.8. Thời hạn sở hữu đến:

(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình thì lập danh sách theo Bảng 4 đính kèm)

3. Trường hợp có biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

3.1. Loại biến động (Chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng...)

3.2. Loại tài sản biến động (Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất...) ...

3.3. Giá trị hợp đồng chuyển nhượng/nhận thừa kế/nhận tặng cho (thể hiện nếu có thông tin):

- Giá trị đất (nếu có):
- Giá trị tài sản trên đất (nếu có):
- Giá trị tài sản trên đất + đất (nếu có):

(Trường hợp có nhiều lần biến động thì kê khai thông tin lần biến động cuối; đồng thời lập danh sách theo Bảng 5)

IV. THÔNG TIN CỤ THỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THUÊ ĐẤT ĐỂ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM TRONG LÒNG ĐẤT, THUÊ ĐẤT CÓ MẶT NƯỚC

1. Đối với thuê đất để xây dựng công trình ngầm trong lòng đất (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất và không phải là đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm):

- Diện tích đất: m²
- Giá đất tính tiền thuê đất:

2. Đối với thuê đất có mặt nước:

- Diện tích đất: m²
- Diện tích mặt nước: m²
- Giá đất để tính tiền thuê đất của phần diện tích đất:

V. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ)

1. Trường hợp ghi nợ:
2. Thời điểm bắt đầu ghi nợ:
3. Tiền sử dụng đất:
4. Lệ phí trước bạ:

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN, GIẢM NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

1. Trường hợp do cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường xác định:

- 1.1. Đối tượng, lý do miễn:
- 1.2. Quyết định miễn:.....
- Số: Ngày: Cơ quan ban hành:
- 1.3. Thông tin miễn:

2. Trường hợp do cơ quan thuế xác định:

- 2.1. Đối tượng, lý do NNT đề nghị miễn/giảm:
- 2.2. Số tiền NNT đề nghị miễn/giảm:

VII. THÔNG TIN CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

1. Chi phí hạ tầng:

1.1. Số văn bản Ngày

1.2. Số tiền:

2. Các khoản giảm trừ khác

2.1. Số văn bản:

2.2. Ngày quyết định

2.3. Số tiền:

2.4. Loại giảm trừ:

VIII. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

- Tờ khai lệ phí trước bạ (Mẫu 01/LPTB);
- Tờ khai thuế thu nhập cá nhân.

Những thông tin trên đã được thẩm tra xác minh là đúng thực tế và người sử dụng nhà, đất có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT. UBND xã (Đ/c Mân);
- Phòng Kinh tế xã;
- Trung tâm Phục vụ HCC xã;
- Lưu: VT, PKT_{Thanh}, Y (6b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Trí Mân

BẢNG KÊ CHI TIẾT

Bảng 1: Danh sách đồng sử dụng, đồng sở hữu

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người nhận chuyển quyền sử dụng đất và tài sản trên đất	Địa chỉ	Mã số thuế (nếu có)	Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân	Diện tích sử dụng/Tỷ lệ sở hữu (nếu có)
1	Ông Gia Thuận	Thôn Tân Thành, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng		CCCD số: 060077001299	
2	Bà Thị Huệ	Thôn Tân Thành, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng		CCCD số: 060179005625	
3	Ông Gia Nhắc	Thôn Tân Thành, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng		CCCD số: 060082007130	
4	Bà Thị Khỏe	Thôn Tân Thành, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng		CCCD số: 060187000876	
5	Ông Gia Bắc	Thôn Tân Thành, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng		CC số: 060085001935	
6	Ông Gia Sắc	Thôn Tân Thành, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng		CCCD số: 060092000552	
7	Ông Gia Út	Thôn Tân Thành, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng		CCCD số: 060094016748	